

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 11 - 2023

V/v: Anh Phạm Văn T xin ly
hôn chị Đỗ Thị H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Lanh.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn T, trình bày:***

Anh và chị Đỗ Thị H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị H nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh giải thích, chị H không những không nghe mà còn gây quá nhiều áp lực đối với anh như cài định vị vào xe của anh, kiểm tra điện thoại của anh, kiểm soát mọi công việc và các mối quan hệ của anh. Những việc làm của chị H khiến anh luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi, chán nản và không muốn về nhà. Từ cuối năm 2022 đến nay, anh chị sống ly thân, không ăn chung, không ngủ chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ngày 04 tháng 10 năm 2023, anh nộp đơn xin ly hôn chị H. Ngày 03 tháng 11 năm 2023, gia đình anh tổ chức họp gia đình, chị H yêu cầu anh nếu ly hôn phải để lại toàn bộ tài sản là nhà, đất phần anh được hưởng cho chị H và các con, anh đã chấp nhận điều kiện này của chị H, nội dung này đã được đại diện UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình lập biên bản ghi nhận. Như vậy, giữa anh và chị H ngoài con chung thì cả hai không còn gì ràng buộc. Nay anh xác định anh không còn tình cảm với chị H, cuộc sống chung giữa anh chị đã không còn hạnh phúc, không còn tin tưởng tình cảm của nhau, do đó, để anh ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn, anh cương quyết xin ly hôn chị H, anh không chấp nhận đoàn tụ.

Anh và chị Đỗ Thị H có 04 con chung, gồm: Phạm Thị D, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2002; Phạm Trà M, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2008; Phạm Thuỷ T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2017; Phạm Anh P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2019. Nay ly hôn: Đối với con D đã trên 18 tuổi, đang học Đại học tại Hà Nội, sức khoẻ tốt, tự lập được cuộc sống, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với các con M, T, P, anh đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con cùng chị H số tiền là 3.500.000 đồng/01 tháng/01 con, thời gian cấp

dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án. Hiện anh làm nghề tự do (buôn bán dao, kéo), thu nhập bình quân 20 triệu đồng/01 tháng.

Anh và chị Đỗ Thị H tự thoả thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại các bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Thị H, trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, chị Đỗ Thị H trình bày như anh Phạm Văn T đã khai. Từ khi về làm dâu nhà anh T, chị sống đúng mực, không có lỗi gì với anh T và gia đình anh T. Năm 2022, anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã nói chuyện với anh T, chị chấp nhận sống ly thân, không đồng ý ly hôn, anh T muốn đi đâu, làm gì, quan hệ với ai, chị không quan tâm nhưng anh T không nghe, vẫn muốn ly hôn chị. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, gia đình chị đã họp bàn, chị ra điều kiện nếu anh T vẫn giữ ý định ly hôn chị, anh T phải để lại toàn bộ phần tài sản là nhà, đất anh T được hưởng cho chị và các con, anh T đã chấp nhận điều kiện này của chị. Nay anh T xin ly hôn chị, chị không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, Tòa án quyết định như thế nào chị cũng chấp nhận. Chị không đồng thuận ly hôn với anh T là vì chị không muốn sau này gia đình anh T và các con chung của anh chị trách móc chị.

Chị và anh Phạm Văn T có 04 con chung như anh T đã trình bày. Nếu ly hôn, quan điểm của chị, như sau: Con Phạm Thị D đã trên 18 tuổi, sức khoẻ tốt, đang học Đại học tại Hà Nội, tự lập được cuộc sống, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Các con Phạm Trà M, Phạm Thuỷ T và Phạm Anh P, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho các con chung cùng chị số tiền là 4.000.000 đồng/01 tháng/01 con vì chị phải nuôi con có rất nhiều khó khăn, vất vả, về thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án. Việc chị nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ về kinh tế và tinh thần của cả gia đình chị

và gia đình anh T. Hiện chị bán hàng online (bán dao, kéo), thu nhập bình quân được khoảng 08 triệu đồng/01 tháng.

Chị và anh Phạm Văn T tự thoả thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

*** Tại văn bản trình bày nguyện vọng của con đề ngày 01 tháng 11 năm 2023, cháu Phạm Trà M, trình bày:**

Bố đẻ cháu là Phạm Văn T. Mẹ đẻ cháu là Đỗ Thị H. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở với mẹ.

*** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06 tháng 11 năm 2023, bà Lê Thị V (mẹ đẻ anh T), trình bày:**

Anh T, chị H đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị sống cùng gia đình bà. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T có tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình bà đã phân tích, hoà giải, khuyên bảo anh T rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2022 đến nay, anh T không thường xuyên về nhà và không quan tâm đến vợ con. Nay anh T xin ly hôn chị H, bà mong muốn anh chị đoàn tụ để các con có bố, có mẹ hoặc anh chị có thể sống ly thân nhưng không ly hôn nhưng anh T không nghe, cương quyết xin ly hôn chị H, đồng ý giao toàn bộ tài sản là nhà, đất anh T được hưởng cho chị H và các con, bà nghĩ hôn nhân của anh chị như vậy cũng khó có thể hàn gắn. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn đơn phương chị H, bà không đồng ý cho chị H thuận tình ly hôn.

Anh T, chị H có 4 con chung như anh chị đã trình bày. Cháu Phạm Thị D, đã trên 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Các cháu Phạm Trà M, Phạm Thuỷ T và Phạm Anh P, bà đề nghị Tòa án giao cho chị H nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Việc chị H nuôi con vẫn có sự quan tâm, hỗ trợ của bà và gia đình bà.

Về tài sản chung của anh T, chị H do anh chị giải quyết. Anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06 tháng 11 năm 2023, bà Nguyễn Thị Hương (mẹ đẻ chị H), trình bày:***

Anh T, chị H đăng ký kết hôn năm 2001 và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Từ khi về làm dâu nhà anh T, chị H sống đúng đạo dâu con, không để lại một điều tiếng xấu gì với gia đình chồng. Năm 2022, anh T có tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến chị H và các con. Hai bên gia đình đã tích cực hoà giải nhưng không có kết quả. Nay anh T xin ly hôn chị H, bà mong muốn anh chị đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị H, chấp nhận ra đi tay trắng, để toàn bộ tài sản lại cho chị H và các con, do vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T, chị H có 04 con chung như anh chị đã trình bày. Cháu Phạm Thị D, đã trên 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Các cháu Phạm Trà M, Phạm Thuỷ T và Phạm Anh P, nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cho chị H nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Việc chị H nuôi con có sự quan tâm, hỗ trợ của bà và gia đình bà.

Về tài sản chung của anh T, chị H do anh chị giải quyết. Anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho anh T được ly hôn chị H. Giao 03 con chung của anh chị là Phạm Trà M, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2008; Phạm Thuỷ T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2017 và Phạm Anh P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2019 cho chị H nuôi dưỡng; anh T phải cấp dưỡng cho 03 con chung cùng

chị H số tiền là 3.500.000 đồng/01 tháng/01 con (03 con là 10.500.000 đồng/01 tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Con Phạm Thị D, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2002, đã trên 18 tuổi, sức khỏe tốt, tự lập được cuộc sống, anh chị không yêu cầu nên không giải quyết. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Phạm Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Đỗ Thị H, chị H hiện cư trú tại xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND V1, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 11 tháng 9 năm 2001, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân: Theo anh T là do chị H nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác nên đã kiểm soát anh và gây quá nhiều áp lực đối với anh, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay và anh đã đồng ý giao toàn bộ phần tài sản là nhà, đất anh được hưởng cho chị H và các con. Về phía chị H cho rằng, từ khi về làm dâu nhà anh T, chị là sống đúng mực, không có lỗi gì với anh T và gia đình anh T, khi biết anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, chị chấp nhận sống ly thân, không đồng ý ly hôn nhưng anh T không nghe, chị ra điều kiện nếu ly hôn, anh T phải để lại nhà, đất anh T được hưởng cho chị và các con, anh T cũng chấp nhận, mong muốn của chị là đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị, do đó, chị đề nghị

Toà án giải quyết theo pháp luật, Toà án quyết định như thế nào chị cũng chấp nhận, chị không thuận tình ly hôn là vì không muốn gia đình anh T và các con trách móc chị. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T, chị H là có, khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, về phía anh chị cũng không có biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T, xử cho ly hôn giữa anh T và chị H.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị H có 04 con chung, gồm: Phạm Thị D, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2002; Phạm Trà M, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2008; Phạm Thuỷ T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2017; Phạm Anh P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2019. Đối với con D, đã trên 18 tuổi, sức khoẻ tốt, tự lập được cuộc sống, anh chị không yêu cầu, Toà án không giải quyết. Đối với các con M, T, P, tại phiên toà, anh T đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con M, T, P cùng chị H số tiền là 3.500.000 đồng/01 tháng/01 con (03 con là 10.500.000 đồng/01 tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, chị H đồng ý. Xét thấy, thoả thuận của anh T, chị H về việc nuôi con chung, về mức cấp dưỡng cho con chung là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Để các con ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập và để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận thoả thuận trên của anh T, chị H.

[2.3] Về chia tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị H thống nhất trình bày anh chị tự thoả thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không có yêu cầu, đề nghị gì, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Đối với con Phạm Thị D, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2002, đã trên 18 tuổi, sức khỏe tốt, tự lập được cuộc sống, anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị H không yêu cầu, Toà án không giải quyết.

2.2. Đối với con Phạm Trà M, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2008; con Phạm Thuỷ T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2017; con Phạm Anh P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2019: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung M, T, P. Anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con M, T, P cùng chị Đỗ Thị H số tiền là 3.500.000 đồng/01 tháng/01 con (03 con là 10.500.000 đồng/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001512 đề ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành án phí. Như vậy, anh T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 11 năm 2023).

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 20, ngày 11 tháng 9 năm 2001);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương